

## CHUYỂN ĐỔI SINH KẾ CỦA HAI CỘNG ĐỒNG Ở VEN BIỂN BÁN ĐẢO CÀ MAU DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA HẠN HÁN VÀ XÂM NHẬP MẶN<sup>1</sup>

TS. Trần Văn Hà  
Viện Dân tộc học

Email: [tranvanha@warecod.org.vn](mailto:tranvanha@warecod.org.vn)

**Tóm tắt:** Do hạn hán và xâm nhập mặn nên sự chuyển đổi sinh kế cùng với việc tiếp cận các nguồn vốn ở những cộng đồng vùng giồng cát ven biển bán đảo Cà Mau (BĐCM) đang diễn ra mạnh mẽ trong phát triển kinh tế nông hộ trên cơ sở thích nghi với điều kiện ngày càng khắc nghiệt của biến đổi khí hậu và nước biển dâng (BĐKH & NBD). Để hiểu rõ sự chuyển đổi sinh kế của các cộng đồng, đặc biệt là hai cộng đồng được nghiên cứu là ấp Mỹ Thanh (tỉnh Sóc Trăng) và ấp Bảy (tỉnh Cà Mau), rất cần thiết lưu tâm đến phân tích sự thay đổi nguồn vốn sinh kế với những khác biệt nguyên nhân giữa địa phương này và địa phương khác hay giữa những nhóm thu nhập. Mặt khác, cũng cần lưu ý đến tính đặc thù của các tộc người cư trú ở vùng giồng cát ven biển trong chuyển đổi sinh kế hiện nay. Trên cơ sở đó, góp phần nhận diện những vấn đề cấp thiết đặt ra về chính sách dân tộc ở vùng BĐCM trong bối cảnh BĐKH & NBD.

**Từ khóa:** Sinh kế, cộng đồng ven biển, bán đảo Cà Mau, hạn hán, xâm nhập mặn.

**Abstract:** Due to drought and salinity intrusion, livelihood transformation and access to capital in the two communities in the coastal dunes of the Ca Mau peninsula are happening enormously within the context of households' economic development in the region. The adaptation to increasingly harsh conditions of climate change and sea-level rise is obvious to the communities. To understand the communities' livelihood transformation, especially the two studied communities, My Thanh hamlet (Soc Trang province) and Bay hamlet (Ca Mau province), it is necessary to pay attention to the analysis of the change in livelihood capitals varying between one locality to another or between income groups. On the other hand, the need to focus on the specificity of the ethnic groups residing in the coastal dunes in the current livelihood transformation is supposed to be a concern. Those analyses contribute to identifying urgent issues related to ethnic policies in the Ca Mau peninsula in the context of climate change and sea-level rise.

**Keywords:** Livelihoods, coastal communities, Ca Mau peninsula, drought, saltwater intrusion.

Ngày nhận bài: 21/6/2021; ngày gửi phản biện: 30/6/2021; ngày duyệt đăng: 12/8/2021.

---

<sup>1</sup> Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 504.04-2017.02.

## Mở đầu

Hạn hán, xâm nhập mặn là hệ quả của biến đổi khí hậu và nước biển dâng (BĐKH & NBD) diễn ra thời gian qua ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Tác động của BĐKH & NBD đã gây nên nhiều thiệt hại về kinh tế và môi trường, làm tổn thương quan hệ xã hội của các cộng đồng vùng sông nước mặn các tỉnh Cà Mau, Kiên Giang, Sóc Trăng, Hậu Giang, Bạc Liêu. Chuyển đổi sinh kế để thích ứng với môi trường thay đổi là vấn đề cấp bách hiện nay, nhất là đối với các cộng đồng ven biển. Đến nay, nghiên cứu về tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn ở ĐBSCL có đến hàng trăm công trình từ nhiều lĩnh vực với chủ đề chung liên quan đến BĐKH. Song, những nghiên cứu ở các tỉnh thuộc bán đảo Cà Mau (BĐCM) dưới góc độ này chưa nhiều. Từ 2015 đến nay trên các lĩnh vực chuyên ngành, liên ngành có thể thấy một số nghiên cứu đề cập đến sinh kế, di cư của Võ Văn Tuấn và Lê Cảnh Dũng (2015); Mai Viết Văn (2018); Lê Anh Tuấn và cộng sự (2018); Trần Văn Hà (2019, 2020;...). Bên cạnh đó là nghiên cứu về tri thức tộc người trong ứng phó với BĐKH (Nguyễn Công Thảo chủ biên, 2019);... Song, vẫn còn thiếu những nghiên cứu về hoạt động sinh kế của các cộng đồng ven biển để bị tổn thương. Trên cơ sở những phát hiện mới từ nghiên cứu cấp cộng đồng ở hai tỉnh Cà Mau, Sóc Trăng, bài viết kỳ vọng góp phần bổ sung vấn đề còn bỏ ngỏ này.

Bài viết này dựa vào kết quả đề tài “Ứng phó của cư dân vùng bán đảo Cà Mau dưới tác động của biến đổi cảnh quan môi trường từ Đổi mới (1986) đến nay” do Quỹ NAFOSTED tài trợ năm 2018 - 2021 thực hiện sau thảm họa thiên tai năm 2016 bởi tác động của BĐKH & NBD. Những phát hiện của bài viết được kế thừa nguồn dữ liệu điền dã của tác giả năm 2019 tại các hộ gia đình bị ảnh hưởng, kết hợp những tài liệu thứ cấp của các bên liên quan (2016 - 2019). Các phương pháp khảo sát kinh tế - xã hội gồm phỏng vấn (25 - 35 hộ gia đình), quan sát tham dự (3 hộ) tại mỗi cộng đồng là ấp Mỹ Thanh (tỉnh Sóc Trăng) và ấp Bảy (tỉnh Cà Mau) được kết hợp giữa góc nhìn dân tộc học và xã hội học. Nghiên cứu so sánh hai cộng đồng nhằm làm rõ sự khác biệt ở địa phương về sinh kế của các nhóm kinh tế nông hộ, nhất là tìm hiểu sự thay đổi các nguồn vốn sinh kế của hộ gia đình ở hai cộng đồng dựa trên quan hệ tương tác, thích ứng với BĐKH. Do đó, những thách thức trong phát triển sinh kế bền vững ở đây chính là vấn đề cấp bách liên quan tới chính sách dân tộc ở BĐCM hiện nay.

### 1. Tổng quan về hai cộng đồng nghiên cứu

Nằm ở vùng BĐCM, hai cộng đồng nghiên cứu là ấp Mỹ Thanh (xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng) và ấp Bảy (xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau) có điểm chung là cư trú ở ven biển. Địa hình này còn được gọi là giồng cát ven biển (Lê Anh Tuấn, Hoàng Thị Thủy, Võ Văn Ngoan, 2015), đều bị ảnh hưởng bởi thảm họa thiên tai và xâm nhập mặn năm 2016. Mỹ Thanh là một trong 8 ấp của xã Vĩnh Hải, cách thị xã Vĩnh Châu 15km về hướng Đông theo quốc lộ 91C, chịu ảnh hưởng của nhật triều biển Đông. Trong khi, khoảng cách từ thị trấn Thới Bình đến ấp Bảy, xã Tân Lộc theo hướng Nam hơn 16km, lại chịu tác động mạnh của bán nhật triều biển Tây.

Giống như các cộng đồng cư dân khác ở BĐCM, Mỹ Thanh và ấp Bảy đều nằm trong một không gian có đặc điểm “mở” về hoạt động kinh tế, xã hội và đời sống văn hóa. Ấp Bảy với số đông người Khơ-me (tái định cư và tại chỗ) dựa vào canh tác lúa, nuôi tôm, đi làm ăn xa; còn Mỹ Thanh có người Kinh đông hơn và đa dạng về sinh kế, gồm nông nghiệp, nghề biển, buôn bán, làm thuê,... Một điểm chung nữa là cả hai cộng đồng đều có một lượng lớn số lao động di cư và làm thuê tại các huyện, tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ và TP. Hồ Chí Minh.

Dân số, đất đai ở hai cộng đồng (Bảng 1) có khác biệt. Từ 2016 đến 2018 dân số ở 2 ấp đều giảm về cơ học, do di cư, đi làm thuê. Số hộ có đất bị nhiễm mặn chiếm 50% tổng số hộ (303 hộ) của 4 cụm dân cư ấp Mỹ Thanh; số hộ bán hoặc để lại đất canh tác đã bị nhiễm mặn cho anh em họ gần nuôi tôm giữ đất là 45 hộ (202 khẩu). Số hộ này ít khi về thăm, kể cả lễ tết, ngày giỗ. Khi có thời gian và tiền bạc, nếu là con trưởng hay trưởng họ thì mới về thăm mồ mả tổ tiên vào dịp Thanh minh hay tết. Chỉ có 25 hộ (117 khẩu) là vẫn còn nhà cửa, vào dịp lễ tết mới về. Hộ khẩu, hộ tịch của những người này vẫn còn tên đăng ký ở ấp (theo Trưởng ấp Đoàn Văn Đũa, Kinh, 43 tuổi).

Tuy ấp Mỹ Thanh có đất nông nghiệp chỉ bằng gần  $\frac{1}{4}$  đất nông nghiệp của ấp Bảy, nhưng lại phân bổ khá đều cho 241/303 hộ người Kinh, 5/8 hộ người Hoa, 6/8 hộ Khơ-me. Theo trưởng ấp Mỹ Thanh, ngoài đất ở của hộ, đất canh tác bình quân/người không nhiều. Diện tích đất của ấp Mỹ Thanh gồm rừng ven biển 225ha, 22ha nuôi thủy sản, còn lại 92,4ha để trồng hành tím, rau, đậu, cây thuốc cá,... Riêng cụm dân cư số 4 với 75 hộ vẫn duy trì đánh bắt và chế biến hải sản. Trong đó, 25 - 30 hộ đánh bắt hải sản ven bờ theo cách thức truyền thống, chỉ có 4 hộ đầu tư lưới thuyền đánh bắt xa bờ. Số 75 hộ gia đình này không có đất canh tác lúa màu, chỉ 2 hộ khai hoang đất ngoài đê bao là rừng ven biển để nuôi tôm. Hoạt động kinh tế của cụm dân cư số 4 hoàn toàn dựa vào nghề đánh bắt trên biển và chế biến hải sản như làm nước mắm, phơi khô mực, cá cơm và tôm khô.

Ở Mỹ Thanh, ngoài đất xã quản lý còn diện tích đáng kể do các cơ quan đơn vị khác thuộc huyện, tỉnh, doanh nghiệp, quân đội sử dụng. Đất của doanh nghiệp và các cơ quan sử dụng nuôi tôm ở bên trong đê ngăn mặn chiếm tới 540ha; trong đó: nông trường Quân khu 9 có 114ha, công ty Tiến Thành 175ha, công ty may Minh Xuân 12ha, huyện có 209ha rừng phòng hộ<sup>2</sup>.

Ở ấp Bảy,  $\frac{2}{3}$  đất canh tác của các hộ sở tại chủ yếu nuôi 3 vụ tôm,  $\frac{1}{3}$  diện tích còn lại nuôi 2 vụ tôm và 1 vụ lúa mùa. Chỉ 10 hộ sở tại thuộc diện nghèo sống ven trục lộ và 89 hộ tái định cư (TĐC) đều không có đất sản xuất. Cụm dân cư TĐC có 86 hộ người Khơ-me đều rất khó khăn. Những hộ gia đình này cư trú ở các xã ven biển của Thới Bình đều không

<sup>2</sup> Số liệu do ông Đoàn Văn Đũa - Trưởng ấp Mỹ Thanh (dân tộc Kinh) và ông Lý Hành Ch. - Phó trưởng ấp Mỹ Thanh (dân tộc Hoa), 52 tuổi cung cấp năm 2019.

có đất ở và đất sản xuất, được “thu gom” đến đây từ các xã Hồ Thị Kỳ, Tân Phú, Tân Lộc Bắc, Biên Bạch và xã Tân Lộc<sup>3</sup>.

**Bảng 1: Diện tích đất đai và dân số của hai cộng đồng nghiên cứu năm 2019**

	<b>Diện tích tự nhiên</b>	<b>Diện tích canh tác</b>	<b>Dân số (người)</b>
Xã Vĩnh Hải <sup>4</sup>	7.839,23ha	6.598,22ha	22.569
Ấp Mỹ Thanh	114,20ha	92,4ha	1.337 người; 303 hộ (Kinh 287 hộ, 1.262 người; Hoa 8 hộ 38 người; Khơ-me 8 hộ, 37 người)
Xã Tân Lộc <sup>5</sup>	3.420ha	900ha (đất canh tác lúa 2 vụ)	11.109
Ấp Bảy	538ha	161ha lúa 2 vụ và 290ha làm 1 vụ lúa và một vụ tằm, còn lại là đất vườn tạp; 100 hộ không có đất sản xuất và 89 hộ tái định cư	510 hộ, 2032 người (Khơ-me 236 hộ, 889 người; Hoa 7 hộ, 42 người; Kinh 267 hộ, 1.107 người).

*Nguồn:* Tổng hợp từ tài liệu điền dã do xã và ấp cung cấp năm 2019

## 2. Đa dạng sinh kế từ góc nhìn so sánh tổng quan

Bài viết chỉ phân tích sinh kế giữa các loại hộ theo mức thu nhập, tức không đi sâu tìm hiểu hoạt động từng nhóm sinh kế trong cộng đồng. Nói cách khác, chỉ xem xét nguồn vốn sinh kế được minh chứng bằng hiệu quả trong đầu tư của số hộ khá, từ trường hợp cụ thể qua phỏng vấn. Bởi nguồn vốn sinh kế của các loại hộ là khác biệt, nhất là mức độ tiếp cận hai nguồn vốn sinh kế chính của hai cộng đồng là đất đai và tài chính (DIFID, 1999). Thời gian khảo sát thực địa tuy cách nhau 1 năm (Mỹ Thanh tháng 4/2018, ấp Bảy tháng 4/2019), song hai ấp đều có điểm chung về thời vụ sau 2 - 3 năm phục hồi thảm họa hạn hán, nhiễm mặn và tình trạng này đã, đang và tiếp tục diễn ra. Khác biệt giữa hai ấp về tộc người là Mỹ Thanh có đa số người Kinh sống ở phía Bắc vùng BĐCM, ít nhiều thừa hưởng nguồn nước ngọt từ sông Hậu; ấp Bảy là cộng đồng Khơ-me phía cực Nam BĐCM dựa vào nguồn nước

<sup>3</sup> Khu tái định cư thiết kế theo lối phố, mỗi căn hộ 100m<sup>2</sup>, đường đi lại nội bộ rộng 3m; khu TĐC có hệ thống nước sạch, điện và nhà văn hóa thuộc ấp quản lý chung.

<sup>4</sup> Niên giám thống kê huyện Vĩnh Châu, năm 2017.

<sup>5</sup> UBND xã Tân Lộc, năm 2018.

ngọt thủy sinh của sông Trẹm (tuyến đường thủy về Kiên Giang) và kênh Xáng Chác Bạng (thị trấn Thới Bình) thông thương với hai tỉnh Hậu Giang, Cần Thơ.

Áp Mỹ Thanh bị nước mặn chi phối, hướng xâm nhập mặn từ biển Đông vào cửa Trần Đề, sông Mỹ Thanh, sông Trà Niên và hệ thống kênh nội đồng đối với hầu hết đất canh tác của xã. Do vị trí địa lý là dân cư ven biển, nên tác động của BĐKH khiến việc chăm sóc, bảo vệ rừng, khai thác tài nguyên gặp khó khăn về quản lý. Thiên tai xảy ra hàng năm như triều cường, nước biển xâm thực vào đất liền, mưa bão bất thường, nhất là nắng nóng kéo dài, chịu ảnh hưởng trực tiếp của các cơn bão quốc tế/năm (bão Linda số 5 ngày 1/11/2017) gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp đối với Mỹ Thanh. Theo sơ đồ rủi ro thiên tai của xã Vĩnh Hải năm 2016 do UNICEF, Hội Chữ thập đỏ và Tổ chức JICA Nhật Bản thực hiện, 4 khu vực sạt lở tập trung ở áp Mỹ Thanh, 13 khu vực lốc xoáy ở ven biển có thể xảy ra dọc các xã ven biển Vĩnh Châu (UBND xã Vĩnh Hải, 2016).

Sinh kế của các hộ gia đình ở Mỹ Thanh chủ yếu là đánh bắt, chế biến hải sản, nuôi tôm (người Kinh), bên cạnh trồng màu là củ cải, hành tím, ớt sừng trâu, cây thuốc cá (Kinh và Khơ-me). Trong khi ở áp Bảy, việc mở rộng đa dạng sinh kế cũng là cách ứng phó ngắn hạn và dài hạn được kết hợp ở các hộ gia đình Khơ-me, Kinh bị ảnh hưởng. Hiện tại, 38/89 hộ TĐC có lao động làm ăn xa và gửi tiền về cho gia đình. Số hộ sống tại chỗ đi làm thợ xây dựng (4 hộ); 5 hộ mở cửa hàng tạp hóa, sửa xe máy, hiệu may hoặc nhận việc đan giỏ thủ công (nguyên liệu là cây lộc bình tự khai thác) cho công ty xuất khẩu. Số hộ Khơ-me sở tại thuộc nhóm kinh tế khá, có đất sản xuất đã đầu tư nuôi tôm, cua và nhờ có hệ thống thủy lợi nội đồng tốt vẫn kết hợp trồng lúa với cây màu. Hộ gia đình ông Hữu Nhơn có 2,5ha chuyển từ trồng lúa sang nuôi tôm, cua năm 2018, đến 2019 đã thu 310 triệu đồng. Theo ông, “đầu vào” khi mua tôm, cua giống, thức ăn, thuốc kháng bệnh và khi bán đều phải ghi chép đầy đủ mới biết được lãi, lỗ bao nhiêu. Tuy thiệt hại về lúa do hạn mặn nhưng nhờ nuôi tôm, cua nên ông Hữu Nhơn không bị ảnh hưởng đến thu nhập, thậm chí còn cao hơn đầu tư trồng lúa. “Con tôm năm 2017 - 2018 được giá, nhưng đến 2019 tôm thê rớt giá, ông và các hộ chuyển sang nuôi tôm càng xanh. Hiện nay ở áp Bảy mô hình chủ yếu là 1 vụ lúa kết hợp 2 vụ tôm/năm. Áp chỉ có 10 hộ trồng lúa, còn lại chuyển hết sang nuôi tôm, vì nước có độ mặn trồng lúa không được thu hoạch” (Lý Huỳnh Kh., dân tộc Khơ-me, trưởng ấp Bảy).

Chăn nuôi gia súc, gia cầm ở cả hai ấp đều không đáng kể về số lượng và giá trị kinh tế. Một số hộ chăn nuôi chỉ để phục vụ ngày giỗ, lễ tết của gia đình. Chợ cóc ở giữa ấp Mỹ Thanh đều bày bán hàng nông sản và thủy sản như rau, củ quả, tôm, cá... các loại do các hộ nuôi, đánh bắt được. Khác với Mỹ Thanh, người ấp Bảy mua bán tại chợ xã Tân Lộc, lượng thực phẩm tươi và đồ thủy sản ít hơn. Người ấp Bảy cũng hay đi chợ lớn ở cầu số 4, gần trụ sở UBND xã Tân Lộc để mua, vì nguồn hàng tại chỗ ít hơn mà chủ yếu hàng tạp hóa từ thị trấn Thới Bình, thành phố Cà Mau chuyển về bán.

Khác biệt giữa Mỹ Thanh và ấp Bảy về ảnh hưởng của hạn mặn không nhiều. Ở Mỹ Thanh, nuôi tôm, đánh bắt hải sản được coi là lựa chọn sinh kế ưu tiên, trong đó nuôi tôm sú thu được nguồn tiền lớn vì giá gần gấp 1,5 lần tôm thẻ. Song, giá thị trường vào thời điểm nghiên cứu của cả hai loại tôm đều giảm, tôm thẻ rớt giá 40 - 45% so với năm 2010, khiến các chủ nuôi tôm sau vụ hoạch toán không lời lãi bao nhiêu, thậm chí thất thu, vì giá thức ăn và công thuê lao động tăng cao<sup>6</sup>. Từ năm 2012 khí hậu ở đây thất thường, đất canh tác lúa bị xâm nhập mặn; đất nhiễm phèn chua nổi váng cua nên không thể trồng lúa (độ Ph cao). Hộ nào có đất lúa muốn chuyển sang nuôi tôm phải có vốn đầu tư lớn để đào xúc nền đất cũ, đắp vây bờ cho mỗi vuông tôm, mua đường ống, máy bơm nước, hệ thống máy sục khí ô-xy, công sá, thức ăn<sup>7</sup>. Tại ấp Bảy có 538ha trong đó lúa 2 vụ 161ha, 1 vụ lúa kết hợp nuôi tôm là 290ha, còn lại là đất vườn tạp. Đa số hộ Khơ-me sở tại (137hộ/236 hộ) và Kinh (267 hộ) ấp Bảy không phải hộ TĐC đều trồng lúa 2 vụ, nên các hộ này có thu nhập chính từ canh tác lúa, màu. Song, như đã nói, diện tích lúa đó chỉ có ở các hộ sở tại (147 hộ nhưng 10 hộ sở tại và 89 hộ TĐC không có đất sản xuất), trong khi các hộ người Kinh còn lại đều có đất ở và đất sản xuất. Điểm khác ở ấp Bảy là cụm dân cư TĐC sau khi được cấp đất và nhà ở cùng cơ sở hạ tầng (năm 2015) và 10 hộ không có đất phải tự tìm kiếm việc làm phi nông nghiệp, còn những hộ tại chỗ lại có sự chuyển đổi sang nuôi tôm từ sau năm 2016 khi địa phương bị hạn, mặn nặng. Mâu thuẫn giữa các hộ trồng lúa và nuôi tôm xảy ra ở đây rất gay gắt và vào thời gian này cũng là tình trạng chung ở tỉnh Cà Mau. Tháng 3/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau đã có Công văn 1213/UBND-NN về việc ngăn chặn việc đưa nước mặn vào vùng ngọt hóa để nuôi tôm. Theo chỉ đạo của tỉnh, xã Tân Lộc đẩy mạnh tuyên truyền tác hại của việc tự phát đưa nước mặn vào vùng ngọt hóa, vùng sản xuất lúa 2 vụ và đất lâm nghiệp để nuôi tôm. Sau đó tại ấp Bảy, ngoài các hộ đầu tư chuyên nuôi tôm, còn xuất hiện mô hình kết hợp 2 vụ tôm, 1 vụ lúa; gần đây nhiều hộ đã kết hợp nuôi thả trên ruộng (tôm hữu cơ). Song, việc nuôi tôm sú, tôm càng xanh theo cách thức công nghiệp vẫn là chính. Một số hộ mở rộng đầu tư phát triển nuôi cua gạch Cà Mau giống bản địa đã cho thu nhập cao hơn tôm. Sản phẩm OCOP 2019 là cua gạch Cà Mau ở ấp Bảy bán rộng đến các thành phố lớn như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bình Dương..., kể cả thương lái thu mua xuất khẩu qua tiểu ngạch sang Trung Quốc. Những sản phẩm nông sản và thủy sản thị trường cần đã xuất hiện trên vùng đất giồng cát ven biển ấp Bảy trong điều kiện thích nghi với hạn hán, mặn xâm nhập. Tuy vậy, với chưa đầy 120 hộ, đầu tư trên 215ha

<sup>6</sup> Năm 2018, giá 1kg tôm thẻ bán tại Mỹ Thanh cho thương lái là 150 - 160 ngàn đồng, tôm sú giá 270 ngàn đồng/1kg; giá công nhật 300 - 350 ngàn đồng. Thức ăn cho tôm từ 2 tháng tuổi trở lên chủ đại lý mới bán chịu và tăng giá từ 10 - 15% vì giai đoạn này tôm sú lớn nhanh và ăn nhiều hơn.

<sup>7</sup> Theo tính toán của nông hộ, 1 công đất (1000m<sup>2</sup>) cho vuông tôm hộ gia đình đầu tư 42 - 44 triệu đồng, gồm: công ủi đất san lấp tạo vuông tôm 5 - 6 triệu đồng, máy bơm và ống dẫn nước 5 triệu đồng, dàn tạo ô-xy 5 triệu đồng, thuê nhân công/tháng 15 triệu đồng, thức ăn cho tôm 12 - 13 triệu đồng; vì vậy việc nuôi tôm theo hình thức siêu thâm canh phải cần đầu tư 1 tỷ đồng chưa xuất hiện ở cộng đồng.

đất nuôi thủy sản tập trung, bằng ấy vẫn chưa đủ sức giữ chân những lao động nghèo rời quê di cư đến thành phố và các khu công nghiệp để mưu sinh.

### **3. Những khác biệt giữa các cộng đồng có tính đặc thù**

#### **3.1. Khác biệt giữa hai cộng đồng về phân hóa giàu nghèo**

Từ góc độ lịch đại, khác biệt giữa ấp Bảy và Mỹ Thanh là khá nhiều trong vòng 3 năm (2015 - 2018), tức từ sau 2 năm phục hồi do thảm họa hạn, mặn. Năm 2015, thu nhập ròng ở ấp Bảy (khi chưa có cộng đồng TĐC), số hộ kinh tế khá chỉ gần 55% so với số hộ khá giả ở Mỹ Thanh. Do đa số là người Kinh, lại canh tác lúa, đánh cá, trồng hành tím và cây màu nên kinh tế của Mỹ Thanh khá hơn ấp Bảy - nơi gồm đa số người Khơ-me chuyên trồng lúa (Bảng 1). Tỷ lệ hộ nghèo chiếm 16% số hộ ấp Mỹ Thanh. Sau thảm họa hạn, mặn (2016), kinh tế Mỹ Thanh giảm sút; ấp Bảy do nhường đất cho dân TĐC nên thành nơi đặc biệt khó khăn của xã Tân Lộc, nhưng hộ kinh tế khá vẫn chiếm tỷ lệ 7,5% của ấp, trong khi số hộ nghèo đa chiều chiếm 19,08% (năm 2018). Năm 2016 - 2019, ấp Bảy được trợ giúp nhiều từ Chính phủ thông qua chương trình xóa đói, giảm nghèo nhưng đầu tư chủ yếu vào đường giao thông và các hộ nghèo ở nhóm TĐC vay vốn sản xuất. Về nguồn vốn tài chính, rất ít hộ ở cả hai điểm nghiên cứu cho nhau vay mượn tiền không lấy lãi ở mức 5 triệu đồng. Dẫu có khác biệt về quan hệ họ tộc, nhưng với ảnh hưởng của thảm họa thiên tai, việc củng cố quan hệ này cũng chỉ một phần của khung thể chế quan hệ thân tộc nhằm tăng cường vốn xã hội. Song, để có thể đầu tư nuôi thủy sản với mức 40 - 50 triệu đồng/công đất thì không thể huy động trong họ hàng hoặc cộng đồng theo hình thức không lãi, lãi thấp. Do đó, các hộ phải vay tiền ngân hàng chính sách xã hội với mức lãi 6,5%/năm để đầu tư nuôi thủy sản qua họ hàng là hộ nghèo.

Tại thời điểm nghiên cứu, mức phân hóa giàu nghèo ở Mỹ Thanh và ấp Bảy là khác biệt. Tài liệu từ thảo luận nhóm với Ban quản lý ấp cho biết, ở nhóm những hộ kinh tế khá, mức thu nhập ròng ở ấp Mỹ Thanh so với ấp Bảy cao hơn 3 điểm phần trăm về số hộ (10,8% và 7,5%). Chi tiết về giá trị tính thu nhập cao nhất năm 2018 của hộ kinh tế khá ở Mỹ Thanh là gần 340 triệu đồng/năm, còn ấp Bảy là hơn 310 triệu đồng/năm. Khoảng cách thu nhập giữa hộ kinh tế khá và hộ nghèo ở hai cộng đồng cũng có độ chênh về đỉnh và đáy thu nhập, nếu Mỹ Thanh là 2,6 lần thì ấp Bảy lên tới 3,45 lần (thấp nhất là 60 triệu/hộ/năm ở ấp Bảy, và 92 triệu/hộ/năm ở Mỹ Thanh).

Về đồng đại, nguồn thu của kinh tế hộ ở hai cộng đồng tuy chủ yếu từ nuôi, đánh bắt thủy sản và hải sản nhưng vẫn khác biệt. Người Kinh ở Mỹ Thanh dựa vào nuôi tôm, trồng màu, cây trái và đánh bắt hải sản; còn người Kinh, người Khơ-me ở ấp Bảy chỉ nuôi tôm, cua, trồng lúa, với ít đất trồng màu, cây ăn trái. Cơ cấu nguồn thu từ diện tích trồng lúa, màu ở ấp Bảy nhiều hơn so với Mỹ Thanh, do đất ven biển của các hộ người Kinh ở Mỹ Thanh bị mặn xâm nhập đến 50%. Các hộ có đất trong ấp không thể trồng lúa, màu kể cả cây thuốc cá chịu được độ nhiễm mặn cao; chỉ trồng hành tím, rau.

Các lao động làm ăn xa cũng có thu nhập nhất định cho người dân Mỹ Thanh và ấp Bảy. Tuy tương đồng về cảnh ngộ bị thảm họa thiên tai cùng thời gian, song sự chuyển đổi đầu tư kinh tế hộ giữa Mỹ Thanh và ấp Bảy là khác nhau. Đây là điểm đáng lưu ý giữa 2 cộng đồng cùng không gian cư trú so với các cộng đồng sông nước không thuộc giồng cát ven biển, nếu nhìn từ hai nguồn vốn sinh kế cơ bản là đất đai và tài chính. Một khảo sát từ góc độ giới cho thấy, ở Mỹ Thanh rất nhiều phụ nữ trẻ đi làm ăn ở Bình Dương, Đồng Nai và TP. Hồ Chí Minh trong nhiều năm, với các công việc như may mặc, đóng giày, giúp việc trong quán ăn, thậm chí nhiều người theo chồng làm các công việc nặng nhọc như thợ xây dựng, bốc vác (Nguyễn Trường Giang, 2018). Còn người Khơ-me ở ấp Bảy tại thời điểm nghiên cứu, đa số lao động cụm dân tộc là 38 hộ/89 hộ tự di cư, làm thuê tại các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai và TP. Hồ Chí Minh, để lại các ngôi nhà trống; chỉ có 8 lao động của những hộ do cha già, mẹ yếu không thể di cư, nên làm thuê tại các ấp trong xã. Theo thống kê của trường ấp Bảy, 2 tháng đầu năm 2019 đã có 160 người di cư và đi làm thuê, trong đó 65 hộ di chuyển toàn bộ gia đình. Con số này cũng phù hợp với dữ liệu thống kê của Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau là người dân di cư theo thời vụ đông hơn so với di cư trên 6 tháng đến 1 năm. Huyện Thới Bình và Đầm Dơi có lao động đang làm việc và sinh sống ở TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương đông nhất của tỉnh, chiếm 72% tổng số người di cư khỏi địa phương (Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau, 2018).

Thu nhập từ lao động làm thuê và việc làm phi nông nghiệp là đáng kể đối với các hộ kinh tế trung bình, cận nghèo, nghèo cả người Kinh ở Mỹ Thanh và người Khơ-me ở ấp Bảy. Theo dữ liệu điều tra xã hội học năm 2018, các hộ nghèo Khơ-me chiếm 4,2% số người được hỏi trong mẫu có thu nhập chính từ làm thuê chiếm 31,2%; thu từ nông nghiệp 52,1%; nguồn thu khác 16,70%. Trong đó, đa số là những cặp vợ chồng Khơ-me khoảng 20 - 30 tuổi, mới lập gia đình được bố mẹ chồng cho ra ở riêng, thiếu đất sản xuất... thuộc diện hộ nghèo về thu nhập (Trần Văn Hà, 2019).

### **3.2. Khác biệt giữa hai cộng đồng về vốn xã hội**

Ở Mỹ Thanh và ấp Bảy, do quan hệ hôn nhân đã diễn ra từ nhiều thế hệ nên nhiều thành viên cộng đồng không có họ gần thì họ xa, tức đều có các quan hệ thân, sơ. Mỗi quan hệ chẳng chịt này, cùng với quan hệ họ tộc, các hội phi quan phương (đồng niên, đồng ngữ...) đã hiện diện mạng lưới xã hội lâu bền, được thể chế hóa ở địa phương. Để phục hồi, phát triển sinh kế trong bối cảnh thiên tai hạn, mặn chung ở hai cộng đồng cũng như vùng BĐCM, nguồn vốn xã hội được coi là sự tương trợ cộng đồng bao trùm lên cả quan hệ họ hàng và những mối quan hệ khác (Trần Văn Hà, 2020, tr. 80). Do đặc điểm xã hội, tộc người, môi trường cảnh quan cư trú có tính địa phương, nên vốn xã hội được phản ánh qua quan hệ tương trợ cộng đồng cũng có khác biệt giữa người Mỹ Thanh và người ấp Bảy.

Quan hệ tương trợ ở các cộng đồng Khơ-me ven biển BĐCM do cư trú riêng, xen cài với người Kinh đến ấp trong bối cảnh cơ chế thị trường nên rất đa dạng. Hơn nữa, biểu hiện giữa các nền văn hóa mỗi tộc người lại có cách hỗ trợ xã hội khác biệt (Glazer, Sharon,

2006). Về sự tương trợ của người Khơ-me và người Kinh ở hai điểm nghiên cứu, cơ bản vẫn dựa vào các quan hệ gia đình, bạn bè, cộng đồng, đồng nghiệp,... (Taylor, S.E., 2011). Tất nhiên, các kênh quan hệ tương trợ đó đều bị chi phối bởi môi trường cư trú tộc người, các quan hệ xã hội mà họ thuộc về, năng lực tự vươn lên, chiến lược đầu tư sinh kế của gia đình,... (Trần Văn Hà, Nguyễn Anh Tuấn, 2020).

Thảm họa hạn hán, xâm nhập mặn ở thời điểm cực đại (2016) gây thiệt hại cho cả hai ấp Bảy và Mỹ Thanh trước tiên là các hộ nghèo, thiếu đói phải đi làm thuê, kiếm ăn từng ngày, nhưng thấy rõ hơn ở số đông người Khơ-me ấp Bảy. Do chủ vườn không sản xuất khi nắng hạn thiếu nước ngọt và chủ ruộng tôm ngừng nuôi thả vì nước mặn vượt ngưỡng nên không thuê người làm công. Họ mất việc làm, đồng nghĩa với không có tiền. Do thiếu gạo ăn và tiền mua thực phẩm, phải vay mượn họ hàng, láng giềng gần có kinh tế khá hơn, với số tiền vay dưới 5 - 6 triệu đồng không tính lãi, thể hiện sự tương thân tương ái trong văn hóa Khơ-me. Riêng người Kinh ấp Mỹ Thanh, theo trường ấp thì có 13 hộ phải nhờ vả từ họ hàng. Cụ thể như gia đình chị Nguyễn Thị Luyến: chồng mất sau cưới 7 năm, để lại 2 con gái còn nhỏ, gia đình chỉ có 1.200m<sup>2</sup> ruộng vào vụ năm 2016 phải cho họ hàng thuê để nuôi tôm, mỗi năm được trả mức cao hơn so với người bên ngoài là 5 - 7%. Theo chị Luyến, đây cũng là cách tương trợ nhau của những người cùng máu mủ trong lúc khó khăn kinh tế (PV Nguyễn Thị Luyến, 36 tuổi, ấp Mỹ Thanh). Một cách tương trợ khác, gia đình ông Danh Thương, người Khơ-me (ấp Bảy) có 3 khẩu nhưng không có đất sản xuất, chỉ làm thuê công nhật, vì vậy khi mất việc ông đã phải ứng vay chủ nuôi tôm là con của bác ruột 5 triệu đồng không lãi để mua gạo. Tại ấp Bảy do số hộ nghèo nhiều hơn nên mức độ tương trợ nhau lúc thiếu thốn cũng không ít, nhưng theo trường ấp thì không có con số thống kê cụ thể. Điểm khác ở ấp Bảy, đa số hộ dựa vào nhau khi khó khăn sau hạn, mặn năm 2016 là những hộ TĐC không có đất sản xuất. Toàn ấp chỉ 13 hộ sở tại có chưa đến 1 công đất được anh em thuê công nhật và ứng trước tiền để trang trải cho cuộc sống gia đình. Trong khi ở Mỹ Thanh đa số là những hộ đánh bắt hải sản ở cụm dân cư số 4 và số ít hộ có đất ruộng không bị nhiễm mặn. Những hộ ở cụm dân cư số 4 của Mỹ Thanh vẫn dựa vào nhau trong chế biến đồ đánh bắt hải sản khô, làm mắm mà không phải vay lãi, còn hộ làm nông ít ruộng hầu hết cho người trong ấp hoặc họ hàng thuê nuôi tôm và làm hành tím, ớt, cây thuốc cá.

Di cư, làm thuê, làm công nhân tại các khu công nghiệp Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh... đã đem lại nguồn thu nhập cao hơn, có thể trợ giúp gia đình ở quê gốc của đa số những lao động TĐC ở ấp Bảy. “Nhà tôi có 2 chị em, em trai đi làm thuê ở Đồng Nai và ở luôn trên đó 2 năm rồi. Cách đây 2 năm, tôi được nhận vào khu công nghiệp Bình Dương làm trong dây chuyền sản xuất giày da xuất khẩu. Hai năm tích lũy được ít tiền gửi về cho mẹ lo cái ăn, chữa bệnh cho bố đau ốm ở lại ấp. Từ khi sanh con gái bị tật nguyền, lại bị người chồng bỏ, tôi phải nghỉ việc ở Bình Dương về ấp sống cùng bố, mẹ. Nay tôi có việc làm ở công ty Caminet trong huyện; sáng 4h30 ô tô của công ty đón đi, chiều 4 giờ về cùng

40 chị em trong khu tái định cư này. Tôi thấy làm gần tuy lương ít nhưng có điều kiện chăm con và bố ốm tốt hơn” (PV Thạch Cẩm Gi, sinh 1995, người Khơ-me, ấp Bảy).

Nguồn vốn từ cộng đồng hỗ trợ hay vốn xã hội giúp cho hộ gia đình Khơ-me phục hồi cuộc sống và sản xuất là quan hệ anh em, họ hàng (tại cộng đồng và người di cư, làm ăn xa gửi về) và các tổ chức hội đồng niên, đồng ngũ ở địa phương. Ông Hữu Nhơn cho biết: “Ngoài vốn vay ngân hàng lãi suất thương mại, gia đình còn vay của mấy người bạn là đồng đội cũ có lương hưu, mỗi người một ít, cả thảy được 24 triệu đồng. Con gái út làm tiệm tóc ở TP. Hồ Chí Minh gửi về 25 triệu đồng cho bố mẹ đều dồn vào nuôi tôm sú” (PV ông Hữu Nhơn, 77 tuổi, Khơ-me, ấp Bảy).

Nhà ông Danh Khương (74 tuổi, người Khơ-me) có 3 khẩu đều cao tuổi, các con trai ở riêng, con út đi làm ở Bình Dương. Ông có 4.800m<sup>2</sup> đất nhưng huyết áp cao và già yếu, nên cho con trai cả nuôi tôm. Ngoài tiền do người con làm ở Bình Dương gửi về, ông Danh Khương đã vay thêm tiền từ ngân hàng chính sách 50 triệu lãi suất thấp góp vốn với người con cả nuôi tôm càng xanh. Sau vụ thu hoạch tôm, bố con đều tính chi phí đầu vào, đầu ra, chia lãi dựa trên tỷ lệ chung vốn đầu tư mà người con trai cả góp vào để kinh doanh cùng tỷ lệ cho đất của ông. Riêng ngày công chăm sóc, bảo vệ vuông tôm của con cả bỏ ra không tính mà coi như nghĩa vụ giúp đỡ bố mẹ.

Trợ giúp cộng đồng không chỉ góp vốn kinh doanh dựa trên quan hệ ruột thịt, mà còn cả đổi công làm ao, thu hoạch tôm. Thu hoạch tôm rất cần đổi công so với đào ao, chăm sóc, bảo vệ. Vì đào ao tôm thường thuê máy, chăm sóc bảo vệ chỉ cần vài lao động bởi vậy chủ nhà tự làm hoặc thuê thêm lao động, nhưng khi thu hoạch tôm do phải khản trương gắn với thời gian nuôi, giá cả và gặp thương lái mua nên rất cần nhiều lao động ở thời điểm ngắn. Đầm tôm sâu 1 - 2m nước với diện tích hơn 200m<sup>2</sup>, nên cần 10 - 20 lao động kéo lưới đánh bắt để đảm bảo tôm sống cho chủ vận chuyển xe có bơm ô-xy. Vì thế, các hộ cần đổi công cho nhau hoặc thuê nhân công làm cùng. Tại Mỹ Thanh hay ấp Bảy, việc đổi công giữa các hộ nuôi tôm trong ấp là anh em, họ hàng, láng giềng khi thu hoạch là sự trợ giúp tự nguyện. Định ngày thương lái đến mua, chủ nhà báo cho các hộ trước 1 ngày qua điện thoại để mỗi hộ 1 - 2 người đến giúp. Ngày đó, vợ chồng chủ nhà chỉ theo dõi cân đong, đo đếm số lượng tôm để phân loại với thương lái và tính tiền. Xong công việc, chủ nhà mời mọi người nhậu bia cùng nồi lẩu tôm tại nhà. Về cơ bản, khi thu hoạch tôm, sự tương trợ của họ hàng trong cộng đồng Khơ-me như ấp Bảy ít nhiều khác biệt với người Kinh ở Mỹ Thanh. Nếu đổi công giữa các hộ ở ấp Bảy thuần túy diễn ra theo họ hàng, người địa phương thì đổi công ở Mỹ Thanh lại gồm cả họ hàng gần, láng giềng, nhân công làm thuê. Có thể thấy, khi cả cộng đồng gặp thiên tai, hoạn nạn thì họ hàng gần cả bên bố, mẹ, bên vợ, người sống gần nhau hay quen thân có điều kiện khá hơn đều sẵn lòng giúp nhau bằng cách có thể đưa tiền, quà biếu,... Sự tăng cường vốn xã hội ở ấp Bảy và Mỹ Thanh đến mức độ nào còn tùy thuộc cấu trúc xã hội của các nhóm dân cư, hệ thống thân tộc bao gồm thiết chế quan phương, phi

quan phương. Song, khi tiếp cận vốn xã hội (đổi công, giúp vật chất, quà biếu...) ở hai cộng đồng này cho thấy, mọi cá nhân hay hộ gia đình đều theo nguyên tắc có đi, có lại. Bởi vì, cùng mục đích thúc đẩy mạng lưới và dòng vốn xã hội, nhưng người Kinh ở Mỹ Thanh dành thời gian và tiền bạc vào hoạt động này nhiều hơn; trong khi người Khơ-me ở ấp Bảy vì nghèo hơn nên chỉ giúp công và tuy có biếu tiền bạc nhưng giá trị không cao.

#### 4. Thách thức trong chuyển đổi sinh kế ở hai cộng đồng ven biển

Từ nguồn dữ liệu về sự đa dạng hoạt động sinh kế của hai cộng đồng Mỹ Thanh và ấp Bảy cho thấy, có sự phân hóa đáng kể về vốn kinh tế và vốn xã hội. Tính đặc thù của hai cộng đồng này là do các nhóm tộc người cư trú ven biển chịu áp lực của tình trạng hạn, mặn ở thời điểm cực đại năm 2016. Tình hình đó dẫn tới cách ứng xử của bất kỳ hộ gia đình nào dù là kinh tế khá hay nghèo, cận nghèo đều phụ thuộc vào các nguồn vốn đất đai - môi trường, nguồn lao động, thị trường, nguồn lực tài chính... để đảm bảo sinh kế.

Xem xét ở hai cực là nhóm thu nhập cao và nhóm thu nhập thấp tại Mỹ Thanh và ấp Bảy cho thấy, trước thách thức phát triển sinh kế bền vững, sự thích nghi của hộ kinh tế khá là rõ nét hơn. Để giảm rủi ro và tăng cường vốn kinh tế, nhóm hộ kinh tế khá ở Mỹ Thanh và ấp Bảy đã có chiến lược đầu tư công sức, đất đai, vay tiền để chuyển đất làm lúa sang nuôi tôm, cua hoặc xây nhà tổ yến, xây ki-ốt cho thuê bán hàng<sup>8</sup>; họ cũng sẵn sàng chấp nhận rủi ro khi nuôi tôm, vay vốn từ ngân hàng để sản xuất, kinh doanh. Trong khi, nhóm hộ nghèo, cận nghèo, hộ ít đất hay không có đất ở Mỹ Thanh và ấp Bảy lại ứng xử khác. Hộ ít đất khi bị hạn, mặn không có năng lực đầu tư vốn, lao động chuyển sang nuôi tôm thì trước tiên cho họ hàng gần, rồi cho hộ kinh tế khá trong hoặc ngoài ấp thuê đất nuôi tôm theo thỏa thuận. Bước tiếp theo của những hộ nghèo này là di cư, làm thuê, thậm chí bán rẻ đất cho hộ khác. Một số hộ diện đặc biệt khó khăn và nghèo không có đất, ngoài làm thuê còn đứng tên vay vốn từ ngân hàng cho hộ khá để lấy tiền chênh lệch nhằm đảm bảo tiêu dùng,... Qua mưu sinh ở hai ấp Bảy và Mỹ Thanh cho thấy, những cách thức khác nhau của các loại hộ trước bối cảnh hạn, mặn như một tình trạng khá phổ biến ở BDCM hay vùng ĐBSCL. Hộ kinh tế khá có chiến lược đầu tư, chấp nhận rủi ro, khai thác vốn đất đai, tài chính, khoa học kỹ thuật để phát triển sinh kế. Trong khi hộ nghèo, cận nghèo tiếp cận các nguồn vốn chỉ giải quyết mục tiêu an sinh ngắn hạn, tránh rủi ro bằng cách vay nợ lãi, làm thuê, tham gia mạng lưới cứu trợ xã hội ở địa phương.

Vấn đề duy trì sinh kế hay an ninh lương thực trước ngưỡng sinh tồn theo cách tiếp cận thông thường là khi các nông hộ ở hai cộng đồng chuyển từ lúa sang nuôi tôm dựa trên hành vi duy lý (do lợi nhuận cao) đã tác động đến hành vi chấp nhận rủi ro. Hai thách thức đối với họ là: hạn, mặn khắc nghiệt, giá tôm thị trường giảm sâu. Bối cảnh đó, thực tiễn đòi

<sup>8</sup> Hộ ông Đoàn Văn H. ở ấp Mỹ Thanh, năm 2019 đã đầu tư 1,2 tỷ đồng xây nhà, lắp đặt công nghệ mô phỏng tiếng hót để dụ yến về làm tổ; hộ ông Nguyễn T. xây cửa hiệu 1 tỷ đồng cho chủ hiệu yến Năm Hiếu, thành phố Sóc Trăng thuê bán và giới thiệu các sản phẩm về yến. Nguồn tài chính của hộ gia đình đã có gồm tiền bán tôm, vay của họ hàng gần, 2 hộ gia đình này là 40% và 50%, số còn lại đều vay vốn ngân hàng theo lãi suất thương mại của Agribank là 1,3%/năm.

hỏi kích hoạt tư duy thuận thiên, giải pháp thích nghi để giảm thiểu, vượt rủi ro trong sinh kế của nông hộ. Mô hình tôm - lúa, cây trái đã xuất hiện ở hai cộng đồng nghiên cứu, có thể gọi là mô hình sinh kế bền vững. Cụ thể, trồng lúa kết hợp nuôi tôm trên cùng diện tích để giữ an ninh lương thực, bên cạnh các loại cây khóm, dừa, bưởi,... Song, điểm cần nhấn mạnh là quá trình kiến tạo mô hình sinh kế này của nông hộ lại dựa trên sự tiếp nhận thông tin, kinh nghiệm thực tế từ mạng lưới phi chính thức.

Đa dạng sinh kế ở hai cộng đồng ven biển Đông (ấp Mỹ Thanh) và biển Tây (ấp Bảy) tại khu vực có nguồn nước bị mặn quanh năm, nhiễm mặn gay gắt vào mùa khô (Lê Anh Tuấn, 2019) được dự báo là tình trạng mặn xâm nhập sẽ vào sâu hơn, tiếp tục làm ngập mặn một diện tích lớn trong tương lai gần<sup>9</sup>. Vì vậy, việc đảm bảo đời sống, phát triển sinh kế bền vững của những cộng đồng ven biển cả hiện tại và tương lai là vấn đề cấp bách. Nghị quyết 120 của Chính phủ rất kịp thời và đúng, nhưng là định hướng chung cho cả vùng ĐBSCL, do đó việc cụ thể hóa với từng vùng như ở “miệt biển” cần được nghiên cứu kỹ lưỡng nhằm giải bài toán sinh kế “biến thách thức thành cơ hội” cho phù hợp, cần tiếp tục đúc kết thực tiễn, tiếp cận khoa học trong xây dựng chính sách ở tầm các tiểu vùng.

### **Kết luận**

Cuốn sách *Nền kinh tế xanh lam* của Giáo sư Gunter Pauli (2009) đã đề cập đến 100 ý tưởng đổi mới trên toàn cầu để thích ứng với hệ sinh thái tự nhiên, khá tương đồng với câu chuyện của hai cộng đồng nghiên cứu là ấp Mỹ Thanh và ấp Bảy vùng BĐCM hiện nay. Điểm căn cốt của những ý tưởng mà Gunter Pauli tìm ra là cơ hội trong khó khăn theo triết lý "trong nguy có cơ", để làm được những điều mà trước đây chưa có.

Chính sách Đổi mới của Việt Nam từ năm 1986 đã mang lại sự tăng trưởng tuyệt vời về lúa gạo ở BĐCM. Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế thị trường đi cùng tác động của BĐKH, tình trạng hạn mặn và nước biển dâng đã thúc đẩy các nông hộ vùng ven biển thay đổi cơ cấu từ *lúa gạo - trái cây - thủy sản* sang *thủy sản - trái cây - lúa gạo*. Sự chuyển đổi sinh kế vào đầu những năm 2000 đến nay đã mang lại giá trị sản phẩm cao của nuôi tôm so với trồng lúa. Song, đến nay tuy lúa gạo không phải là ưu tiên nhưng vẫn là sinh kế của nhiều nông hộ và bảo đảm an ninh lương thực ở hai cộng đồng nông thôn được nghiên cứu cũng như vùng BĐCM và vùng ĐBSCL.

Động thái chuyển đổi sinh kế ở ấp Bảy và ấp Mỹ Thanh cho thấy, yếu tố đất đai - môi trường, vốn tài chính và mối tương tác với vốn xã hội đang vận hành theo nguyên tắc sống chung với hạn, mặn, thích ứng với bối cảnh BĐKH & NBD. Ngay cả khi phải di cư, một số người lao động vẫn dùng nguồn lực vật chất và suy nghĩ đến đầu tư phát triển kinh tế ở quê.

<sup>9</sup> Kịch bản BĐKH năm 2016 của Bộ Tài nguyên & Môi trường: Nguy cơ ngập úng với mực nước biển dâng do BĐKH 100m thì diện tích tự nhiên tỉnh Cà Mau ngập 57,7%, Sóc Trăng 50,7%, trong khi bình quân 13 tỉnh ĐBSCL là 38,9%.

Song, cần nhận thấy sự khác biệt bên trong và giữa các cộng đồng địa phương về chuyển đổi tư duy khi tiếp cận các nguồn vốn để phát triển sinh kế bền vững trước những thách thức rủi ro thời tiết, giá cả thị trường.

Tình trạng hạn, mặn ở hai cộng đồng nghiên cứu vừa là hậu quả vừa là nguyên nhân ảnh hưởng đến cố kết cộng đồng, thậm chí làm đứt gãy mạng lưới xã hội tại các địa phương khi cùng hứng chịu thảm họa nặng nề. Song, thách thức từ thiên tai lại xuất hiện cơ hội giúp con người tư duy lại nhiều thứ. Thảm họa thiên tai là một điểm đứt gãy trong phát triển và nhiều giá trị, thói quen sẽ thay đổi, nhưng đem lại cơ hội giúp con người nắm bắt giá trị cũ và mới ở nông thôn về quan hệ giữa cố kết cộng đồng và phụ thuộc để khai thác vốn xã hội vì sự phục hồi sau thảm họa của BĐKH.

Nghiên cứu điểm ở hai cộng đồng ven biển BĐCM cũng chỉ ra sự tương quan giữa các hoạt động sinh kế với biến đổi hệ sinh thái ven biển dưới tác động của BĐKH và sự thích nghi của các loại hộ kinh tế khác nhau ở mức độ nào. Qua đó cho thấy, khi nghiên cứu chuyển đổi sinh kế ở các cộng đồng ven biển nên tìm hiểu sâu về thay đổi của cơ cấu xã hội. Bởi vì, tính hiệu quả của chính sách hỗ trợ từ Nhà nước cho nông hộ, nhất là chính sách dân tộc rất cần sự tiếp cận mới phù hợp hơn với từng nhóm hộ gia đình và cộng đồng xã hội trong bối cảnh BĐKH.

### Tài liệu tham khảo

1. Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau (2018), *Báo cáo tình hình di cư của đồng bào dân tộc thiểu số khu vực Tây Nam Bộ đến các khu vực đô thị, khu công nghiệp thuộc các tỉnh miền Đông Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh*.
2. Bộ Tài nguyên & Môi trường (2016), *Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam*, Nxb. Tài nguyên môi trường và Bản đồ Việt Nam, Hà Nội.
3. DIFID (1999), *Sustainable Livelihoods Guidance Sheets* (London: DIFID), trên trang <http://www.eldis.org> (ngày mùng 3 tháng 1 năm 2010).
4. Nguyễn Trường Giang (2018), “Hoạt động sinh kế của phụ nữ các tộc người ở một xã ven biển tỉnh Sóc Trăng dưới tác động của biến đổi khí hậu (Nghiên cứu trường hợp xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng)”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 29-39.
5. Glazer, Sharon (2006), “Social support across cultures”, *International Journal of Intercultural Relations*, 30: 605-622, doi:10.1016/j.ijintrel.2005.01.013. ISSN 0147-1767.
6. Gunter Pauli (2009), *Blue economy - 10 years, 100 innovations, 100 million jobs* (Nền kinh tế xanh lam, 10 năm thực hiện, 100 đổi mới, 100 triệu việc làm). Copyright © Vietnamese translation rights © 2014 by Phuong Nam Book Co., Ltd English edition was published by Paradigm Publishing (Taos, NM, USA).

7. Trần Văn Hà (2019), “Di cư và đi làm ăn xa của các cộng đồng cư dân ven biển ở tỉnh Cà Mau dưới tác động của biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 6, tr. 15-25.
8. Trần Văn Hà (2020), “Phục hồi dựa vào tương trợ cộng đồng sau thảm họa hạn hán và xâm nhập mặn ở bán đảo Cà Mau”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 9, tr. 56-66.
9. Trần Văn Hà, Nguyễn Anh Tuấn (2020), “Tiếp cận nhân học về vùng cảnh quan gắn với cư trú của các tộc người trong bối cảnh biến đổi khí hậu”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 18-29.
10. UBND huyện Vĩnh Châu (2017), *Niên giám thống kê huyện Vĩnh Châu*.
11. PV (2016), *Cà Mau ngăn chặn đưa nước mặn vào đồng ngọt*, trên trang <https://nhandan.vn/tin-tuc-xa-hoi/> (Đăng ngày 7/3/2016, truy cập ngày 18/5/2021).
12. Ngọc Quân (2009), *Cà Mau khắc phục nguy cơ xâm nhập mặn ở vùng ngọt*, trên trang <https://nhandan.vn/tin-tuc-kinh-te/> (Đăng ngày 31/3/2009, truy cập ngày 7/6/2021).
13. Taylor, S.E. (2011), “Social support: A Review”, in: M.S. Friedman (ed.), *The Handbook of Health Psychology*, New York, Oxford University Press.
14. Lê Anh Tuấn (2019), “Nguyên nhân, tác động và ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa bàn tỉnh Sóc Trăng”, Báo cáo tại *Hội thảo khoa học Mạng lưới sông ngòi Việt Nam*.
15. Võ Văn Tuấn và Lê Cảnh Dũng (2015), “Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sinh kế của nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, tr. 120-129.
16. Lê Anh Tuấn, Hoàng Thị Thủy, Võ Văn Ngoan (2015), “Các mô hình canh tác ứng phó với biến đổi khí hậu cho vùng đất giồng cát ven biển ở Đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí Môi trường*, tr. 150-158.
17. Nguyễn Công Thảo (Chủ biên, 2019), *Tri thức tộc người trong ứng phó với biến đổi khí hậu của người Kinh và Khơ-me ở tỉnh Cà Mau*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
18. UBND xã Tân Lộc (2018), *Báo cáo tình hình xóa đói giảm nghèo*.
19. UBND xã Vĩnh Hải (2016), *Sơ đồ rủi ro thiên tai xã Vĩnh Hải được xây dựng bởi các tổ chức quốc tế ở Việt Nam*.
20. Mai Viet Van, Huynh Van Hien, Dang Thi Phuong, Nguyen Thi Kim Quyen, Dao Thi Viet Nga and Le Anh Tuan (2016): “Impact of irrigation works systems on livelihoods of fishing community in Ca Mau Peninsula, Viet Nam”, *International Journal of Scientific and Research Publications*, Volume 6, Issue 7, July 2016 460 ISSN 2250-3153.